

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản bằng tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Múth Sô Ny; ông Nguyễn Quốc Khanh.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký tòa án nhân dân thị xã
Tỉnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tỉnh Biên tham gia phiên tòa: bà
Trần Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tỉnh Biên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về
việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 172/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N1; địa chỉ trụ sở: số B, L, phường T, quận B,
thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: ông Giang Thanh N - Trưởng phòng Kế hoạch
kinh doanh tổng hợp của Ngân hàng N1, chi nhánh C theo giấy uỷ quyền ngày
31/01/2024, xin vắng mặt;

- **Bị đơn:** bà Sum Sa R, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ D, ấp V, xã V, thị xã
T, tỉnh An Giang; ông Chau Oanh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: đường T, tổ A,
khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

**Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Giang Thanh N
xin vắng mặt; bị đơn bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T, ông Chau Oanh T vắng
mặt, không lý do.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ
án đại diện Ngân hàng N1, chi nhánh C ông Giang Thanh N trình bày:**

Ngày 16/11/2022, tại Ngân hàng N1, chi nhánh C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vợ, chồng bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T có ký kết hợp đồng tín dụng số 6713-LAV-202202286, kèm phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ, vay số tiền vốn là 250.000.000đ (hai trăm, năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2027 hết hạn); lãi suất vay: 12%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay; phương thức trả nợ theo định kỳ hàng năm: gồm 05 kỳ, mỗi kỳ trả vốn 50.000.000 đồng/năm và lãi phát sinh theo hợp đồng; mục đích vay: sửa chữa nhà. Theo đó, để đảm bảo hợp đồng tín dụng bà Sum Sa R đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 277/2016/HĐTC-VTr ngày 07/11/2016, kèm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 469/2021/VBSĐBSHĐTC-VTr ngày 10/11/2021 (sau đây gọi tắt là hợp đồng thế chấp), thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CC 741445; diện tích: 6,726 m² (mục đích sử dụng đất: đất chuyên trồng lúa nước), số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04911, do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày: 31/12/2015, đứng tên Sum Sa R.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xin vắng mặt, đồng thời vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T, thanh toán tổng số tiền 283.608.219 đồng, trong đó: vốn 250.000.000 đồng, tiền lãi 33.608.219 đồng (trong hạn 31.232.877 đồng; quá hạn 2.375.342 đồng, tính đến ngày 30/8/2024) và lãi phát sinh theo hợp đồng sau xét xử; duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Sum Sa R và ông Chau O Thu vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 274, 275, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh ngày 30/5/2024 tại Công an xã V về tình trạng cư trú của bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T; xác nhận thông tin về cư trú của Công an thị trấn T ngày 12/5/2024 đối với ông Chau Oanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Sum Sa R có nơi cư trú tại tổ D, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Giang Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Sum Sa R, ông Chau Oanh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T ký hợp đồng hợp đồng tín dụng số 6713-LAV-202202286 ngày 16/11/2022 với Ngân hàng N1, chi nhánh C vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng, sửa chữa nhà. Theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng hợp đồng tín dụng số 6713-LAV-202202286 ngày 16/11/2022 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 “*về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*”, lãi suất hợp đồng áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về biện pháp giao dịch bảo đảm: bà Sum Sa R đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 277/2016/HĐTC-VTr ngày 07/11/2016, kèm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 469/2021/VBSĐBSHĐTC-VTr ngày 10/11/2021 thống nhất ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245/2022/HĐTC-TT, thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CC 741445; diện tích: 6,726 m² (mục đích sử dụng đất: đất chuyên trồng lúa nước), số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04911, do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày: 31/12/2015, đứng tên Sum Sa R.

Xét, hợp đồng thế chấp quyền giữa Ngân hàng với bà S Sa Ra được xác lập trên cơ sở đã tự nguyện, tự thỏa thuận; đồng thời tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp có sự xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T1 ngày 08/11/2016 tại Trang bổ sung, nên có hiệu lực, phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 295, 298, 299, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, có cơ sở tiếp tục xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng N1, chi nhánh C, xác định bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T còn nợ tổng số tiền 283.608.219 đồng, trong đó: vốn 250.000.000 đồng, tiền lãi 33.608.219 đồng (trong hạn 31.232.877 đồng; quá hạn 2.375.342 đồng, tính đến ngày 30/8/2024).

Tại điểm c khoản 1 Điều 8 của hợp đồng tín dụng số 6713-LAV-202202286 ngày 16/11/2022 có nêu: “*Xem xét quyết định tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn trong các trường hợp nêu tại Điều 6 Hợp đồng này.*”

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.*”

Do bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T đã vi phạm thoả thuận nên có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1, chi nhánh C khoản nợ này và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp. Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí theo giá ngạch.

[4] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ là 1.000.000 đồng, do nguyên đơn tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, 157, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 đối với bị đơn bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T.

Buộc bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N1, chi nhánh C tổng số tiền vốn, lãi là 283.608.219 đồng, trong đó: vốn 250.000.000 đồng, tiền lãi 33.608.219 đồng (trong hạn 31.232.877 đồng; quá hạn 2.375.342 đồng, tính đến ngày 30/8/2024) và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 30/8/2024.

2. Xử lý tài sản thế chấp diện tích 6,726 m² (mục đích sử dụng đất: đất chuyên trồng lúa nước), số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04911, do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày: 31/12/2015, đứng tên Sum Sa R, tọa lạc tại xã V, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 277/2016/HĐTC-VTr ngày 07/11/2016, kèm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 469/2021/VBSĐBSHĐTC-VTr ngày 10/11/2021 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T phải chịu 14.180.000đ (*mười bốn triệu, một trăm, tám mươi ngàn đồng*) tiền án phí.

H lại cho Ngân hàng N1 (do Ngân hàng N1, chi nhánh C đại diện) tiền tạm ứng án phí 6.611.000đ (*sáu triệu, sáu trăm, mười một ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0010752 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. Về chi phí tố tụng: bà Sum Sa R và ông Chau Oanh T có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N1 (do Ngân hàng N1, chi nhánh C đại diện) số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx.Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Đương sự (2);
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ